

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 19 NĂM 2020

KỶ 01 THÁNG 10 NĂM 2020

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản từ ngày 26/9/2020 đến 13/10/2020
- 5 Ngành lúa gạo đạt nhiều kết quả tích cực trong năm 2020
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Dự báo xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng trong quý IV/2020
- 11 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ tăng 19,9% trong 9 tháng đầu năm 2020
- 15 Hà Lan tăng nhập khẩu một số mặt hàng nông sản của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020
- THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 18 Lâm Đồng xây dựng thương hiệu nông sản, đẩy mạnh xuất khẩu
- 20 Hội nghị giao thương trực tuyến Việt Nam – Tây Ban Nha từ EVFTA 2020
- 21 Doanh nghiệp Bungari cần tìm đối tác sản xuất đồ gỗ nội thất
- 21 Công ty Nhật Bản tìm kiếm nhà sản xuất tấm thẻ bằng gỗ treo tại đền chùa
- THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 22 Phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi tầm nhìn đến năm 2045
- 23 Chính phủ Trung Quốc yêu cầu các nhà nhập khẩu tránh thực phẩm đông lạnh từ các nước có bùng phát mạnh dịch Covid-19
- THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Giá nông sản thế giới biến động trái chiều
- 25 Italia có xu hướng tăng nhu cầu đối với thịt trắng và cá, sản phẩm hữu cơ
- 28 **TIN VẮN**

TỔNG QUAN

Tại thị trường trong nước, giá một số mặt hàng nông, thủy sản trong nửa đầu tháng 10/2020 tiếp tục xu hướng hồi phục. Trong đó, giá cao su liên tục tăng từ đầu tháng 7/2020 đến nay trong bối cảnh ngành công nghiệp ô tô trên toàn cầu, đặc biệt là tại thị trường Trung Quốc phục hồi trở lại sau đợt suy giảm nặng nề do tác động của dịch Covid-19 đã tác động tích cực lên thị trường cao su thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn chưa đủ để bù đắp sự sụt giảm mạnh trong hơn nửa đầu năm 2020. Tính đến thời điểm giữa tháng 10/2020, giá thu mua mủ cao su tăng 300 đ/kg đối với các loại mủ chén và mủ dây, đạt 7.700 – 11.500 đ/kg, nhưng vẫn giảm tới 8-11,5% so với thời điểm đầu năm 2020. Ngoài ra, giá cá tra thịt trắng loại 1 cũng tiếp tục tăng 1.000 đ/kg lên 19.500 đ/kg, mức cao nhất kể từ giữa tháng 2/2020 đến nay.

Trong lĩnh vực thương mại, trong tháng 9/2020, hoạt động xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực có sự bứt phá rõ rệt, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2020 lên 26,7 tỷ USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm

trước và đánh dấu sự tăng trưởng trở lại của nhóm hàng này sau khi sụt giảm liên tục từ đầu năm 2020 đến nay.

Trong những tháng cuối năm 2020, mặc dù tình hình dịch bệnh đã có những diễn biến khả quan hơn cộng với sự hỗ trợ bởi hàng loạt các FTA đã có hiệu lực và cuối năm thường là giai đoạn “nước rút” để đẩy mạnh tăng trưởng của các doanh nghiệp, nhưng nhìn chung xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong quý cuối cùng của năm 2020 vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn trước việc siết chặt các hàng rào kỹ thuật, tăng cường các biện pháp bảo hộ đối với chất lượng hàng hóa nông, thủy sản tại các thị trường nhập khẩu, trong khi tình hình dịch bệnh tuy đã được kiểm soát tại nhiều quốc gia nhưng vẫn có nhiều nguy cơ tái bùng phát. Trong quý IV/2020, xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhưng vẫn khó có thể bù đắp được mức giảm trong những tháng đầu năm 2020. Do đó, tính chung trong cả năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản dự báo sẽ chỉ đạt khoảng 36 tỷ USD, giảm nhẹ 0,3% so với kết quả đã đạt được trong năm 2019.

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- Ngày 6/10/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1520/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

- Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu, hạn mặn, thiên tai và nhiều loại dịch hại diễn biến phức tạp, đặc biệt vụ lúa đông xuân 2019-2020 và hè thu 2020 gặp khó khăn về nguồn nước do hạn hán và ảnh hưởng của xâm nhập mặn, nhưng trong năm 2020, sản xuất lúa tại các tỉnh, thành Nam Bộ ước tính vẫn đạt hơn 4,3 triệu ha. Mặc dù giảm 31,5 nghìn ha so với năm 2019 nhưng tổng sản lượng toàn khu vực vẫn ước đạt trên 25,8 triệu tấn, tăng 134 nghìn tấn so với năm 2019, xác lập mức cao nhất từ trước đến nay.

- Mặc dù chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 9 tháng đầu năm 2020 vẫn đạt mức tăng trưởng cao 19,9% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 7,17 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TỪ NGÀY 26/9/2020 ĐẾN 13/10/2020

Trong kỳ từ ngày 26/9 đến 13/10/2020, giá cá tra và cao su tiếp tục đà hồi phục trong khi giá gạo cũng tăng trở lại.

+ Mặt hàng gạo: Giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong kỳ từ ngày 26/9 đến 13/10/2020 tăng từ 100 – 200 đ/kg so với nửa cuối tháng 9/2020. Cụ thể, tại tỉnh An Giang, lúa Đài thơm 8 duy trì ở mức 6.350 đ/kg, tăng 150 đ/kg; IR 504 và OM 5451 ổn định ở mức 6.100 đ/kg; OM 6976 đạt 6.100 đồng/kg; lúa tươi OM 9577, lúa OM 9582 tăng 100 đ/kg, đạt 6.150 đ/kg. Tại Hậu Giang, giống lúa OM5451 được thương lái thu mua tại ruộng với giá từ 5.400 – 5.600 đ/kg lúa tươi, giống lúa ST24 và ST25 dao động từ 6.800-7.000 đ/kg lúa tươi.

Với mặt hàng gạo, giá gạo NL IR 504 tăng 150 đ/kg, ở mức 8.900 đ/kg; gạo NL OM 5451 tăng 200 đ/kg lên 8.900 đ/kg; gạo OM 18 ở mức 8.950 đ/kg; gạo DT 8 ở mức 9.100 đ/kg; gạo TP IR 504 giá 10.200 đ/kg, tăng 200 đ/kg. Thời tiết mưa nhiều khiến thị trường giao dịch chậm, nhiều kho ngừng hoạt động.

Trên thị trường thế giới, giá chào bán gạo trắng 5% tấm xuất khẩu của Việt Nam giảm 5 USD/tấn so với nửa cuối tháng 9/2020, đạt 470 USD/tấn. Nhu cầu gạo chậm lại do Philippin muốn tạm dừng nhập khẩu gạo trong 2 tháng để hỗ trợ giá lúa gạo nội địa nước này khi bước vào vụ thu hoạch. Tại Malaysia nhu cầu cũng yếu.

+ Mặt hàng cà phê: Mưa lũ kéo dài tại miền Trung và Tây Nguyên đang gây bất lợi cho vụ thu hoạch cà phê mới. Kết thúc phiên giao dịch ngày 13/10/2020 giá cà phê nhân xô tại Tây Nguyên giảm 1.000 đ/kg so với ngày 25/9/2020, xuống còn 31.400 đ/kg. Giao dịch mua bán đang ở

mức cầm chừng do giá thấp và các nhà xuất khẩu chưa muốn chào bán giao xa vì tình hình thời tiết diễn biến phức tạp và chưa biết thời điểm thu hoạch cà phê niên vụ mới 2020/21 sẽ bắt đầu hái rộ khi nào. Mây nhiều và mưa liên tục tại các tỉnh trọng điểm của cà phê Việt Nam có thể làm hoãn lại thời gian thu hoạch. Nếu tình hình tiếp tục mưa nhiều, vụ mùa cà phê ở Tây Nguyên có thể chậm từ 1 đến 1,5 tháng, đến cuối tháng 11/2020 hoặc sang đầu tháng 12/2020.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Giá hạt tiêu tại khu vực Tây Nguyên trong kỳ từ ngày 26/9 đến 13/10/2020 ổn định trong khoảng 48.500 – 51.000 đ/kg. Trong thời gian tới, giá hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam có thể sẽ tăng cùng xu hướng tăng của giá hạt tiêu thế giới. Hiện các đối tác đã bắt đầu có nhu cầu mua trở lại để chuẩn bị cho các đơn hàng cuối năm. Bên cạnh đó, sản lượng hạt tiêu của Việt Nam giảm nhiều do cây chết hoặc người dân không đầu tư chăm sóc. Điều này cũng ảnh hưởng đến nguồn cung hạt tiêu trên toàn thế giới.

Trong khi đó, trên thị trường thế giới, mùa lễ hội sắp tới tại Ấn Độ có thể sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ mặt hàng hạt tiêu cao hơn trước. Hoạt động thu mua hạt tiêu đã bắt đầu tăng tại Ấn Độ do các hoạt động kinh tế đang dần được phục hồi.

+ Mặt hàng thủy sản: Tại Đồng Tháp, giá cá tra thịt trắng loại 1 tiếp tục tăng 1.000 đ/kg lên 19.500 đ/kg, mức cao nhất kể từ giữa tháng 2/2020 đến nay.

Tại Đà Nẵng, giá mực ống tăng 10.000 đ/kg so với nửa cuối tháng 9/2020, đạt 200.000 đ/kg loại 17 – 24 cm/con. Tuy nhiên giá các mặt hàng thủy sản khác như tôm và cá ngừ vẫn giảm 5.000 – 10.000 đ/kg.

Sau khi tăng trở lại trong quý III/2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong những tháng cuối năm 2020 dự báo sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi. Hiệp định EVFTA sẽ thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng thủy sản sang thị trường EU với nhiều mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, trong đó thay đổi rõ rệt và tích cực nhất là tôm, mực, bạch tuộc. Trong khi đó, nhu cầu thủy sản tại Mỹ trong những tháng cuối năm 2020 tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu thụ thường ở mức cao vào dịp Lễ, Tết cuối năm.

+ Mặt hàng cao su: Giá cao su trong nước từ cuối tháng 7/2020 đến nay liên

tục tăng. Trong kỳ từ ngày 26/9 đến 13/10/2020, giá thu mua mủ cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai tăng 300 đ/kg đối với các loại mủ chén và mủ dây, đạt 7.700 – 11.500 đ/kg; giá mủ nước tại vườn tăng 600 đ/kg, đạt 31.100 đ/kg. Tương tự, giá thu mua cao su của Công Ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh cũng tăng 100 đ/kg so với nửa cuối tháng 9/2020, dao động ở mức 7.700 – 11.100 đ/kg tùy loại. Ngành công nghiệp ô tô toàn cầu, đặc biệt là tại Trung Quốc phục hồi trở lại sau đợt suy giảm nặng nề do tác động của dịch Covid-19 đang tác động tích cực lên thị trường cao su thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 13/10/2020

Tên hàng	Ngày 13/10/2020 (đ/kg)	So với ngày 25/9/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)	So với cùng kỳ 2019 (%)
Gạo NL IR 504	8.900	1,7	34,8	32,8
Gạo thành phẩm IR 504	10.200	2,0	36,0	34,2
Tấm gạo IR 504	9.000	0,0	40,6	34,3
Cám vàng	6.000	3,4	25,0	1,7
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	31.400	-3,1	-2,2	-3,4
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	30.000	0,0	-18,9	5,3
Điều W240	27.000	0,0	-89,4	-89,4
Điều W 320	28.000	0,0	-88,6	-88,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	51.000	0,0	21,4	22,9
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	19.500	5,4	-7,1	-4,9
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (100 g/con)	280.000	0,0	21,7	21,7
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	45.000	-10,0	-35,7	0,0
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	90.000	12,5	-35,7	-18,2
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	200.000	-4,8	-37,5	-16,7
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	-4,0	0,0	-4,0
Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai				
Loại 1	288	1,8	-4,0	
Loại 2	285	1,8	-4,0	
Mủ nước tại vườn	31.100	2,0	-4,0	
Mủ chén dây khô	11.500	2,7	-8,0	
Mủ chén dây vừa	10.500	2,9	-8,7	
Mủ đông khô	9.300	3,3	-9,7	
Mủ dây khô	10.900	2,8	-8,4	
Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh				
Mủ cao su nước tại vườn (đ/độ TSC)	270	1,9	-5,9	
Mủ cao su nước tại nhà máy (đ/độ TSC)	275	1,9	-5,8	
Mủ chén, dây khô	11.100	0,9	-9,8	
Mủ chén ướt	7.700	1,3	-9,4	
Mủ đông khô	10.100	1,0	-9,0	

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NGÀNH LÚA GẠO ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ TÍCH CỰC TRONG NĂM 2020



Tính đến giữa tháng 10/2020, vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu trên cả nước đã kết thúc thắng lợi, được mùa và được giá trước những tác động tích cực từ thị trường xuất khẩu gạo trên thế giới cho dù biến đổi khí hậu và thiên tai đã diễn ra hết sức phức tạp tại hầu hết các địa phương. Trong đó, các tỉnh phía Bắc mưa phùn, trời âm u kéo dài là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh trên cây lúa dễ bùng phát. Tại các tỉnh Bắc Trung Bộ và Trung Bộ đối mặt với những đợt nắng nóng gay gắt, kéo dài gây hạn trên diện rộng, trong khi các tỉnh Nam Bộ phải trải qua nhiều đợt xâm nhập mặn và hạn hán.

Sản xuất lúa gạo được mùa, được giá cho dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu

Đáng chú ý, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu, hạn mặn, thiên tai và nhiều loại dịch hại diễn biến phức tạp, đặc biệt vụ lúa Đông Xuân 2019-2020 và Hè Thu 2020 gặp khó khăn về nguồn nước do hạn hán và ảnh hưởng của xâm nhập mặn, nhưng nhìn chung hoạt động sản xuất lúa gạo ở vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã đạt được những kết quả rất tích cực. Đến thời điểm này, 3 vụ lúa ở khu vực Nam Bộ sắp kết thúc. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ và ĐBSCL, trong năm 2020, các tỉnh, thành Nam Bộ sản xuất lúa ước đạt hơn

4,3 triệu ha. Mặc dù giảm 31,5 nghìn ha so với năm 2019 nhưng lúa trúng mùa, năng suất ước đạt 60,09 tạ/ha, tăng 0,75 tạ/ha, tổng sản lượng toàn khu vực ước đạt trên 25,8 triệu tấn, tăng 134 nghìn tấn so với năm 2019, xác lập kỷ tích mới cao nhất từ trước đến nay. Trong đó, vùng ĐBSCL gieo sạ hơn 4 triệu ha (giảm 27,6 nghìn ha), năng suất ước đạt 60,50 tạ/ha (tăng 0,76 tạ/ha) và sản lượng đạt hơn 24,4 triệu tấn (tăng 140 nghìn tấn).

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, dự báo trong thời gian tới thị trường tiêu thụ lúa gạo sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, mở ra cơ hội cho nông dân vùng ĐBSCL gia tăng sản xuất lúa. Chỉ tính riêng vụ lúa Thu Đông 2020 ở ĐBSCL, diện tích gieo sạ đạt trên 800,5 nghìn ha, tăng 76 nghìn ha so với vụ Thu Đông 2019, năng suất ước đạt 55 tạ/ha, tăng 0,13 tạ/ha và sản lượng đạt 4,4 triệu tấn, tăng 429 nghìn tấn so với vụ Thu Đông 2019, góp thêm vào con số 43,5 triệu tấn lúa của cả năm theo kế hoạch của toàn ngành. Tính đến nay tiến độ thu hoạch lúa Thu Đông đạt trên 300 nghìn ha, năng suất thực tế trên đồng đạt trên 55,2 tạ/ha, cao hơn cùng kỳ năm trước 2,2 tạ/ha. Theo kế hoạch, vụ Đông Xuân 2020-2021, vùng ĐBSCL xuống giống 1.550.000 ha (tăng 3,5 nghìn ha so với vụ Đông Xuân 2019-2020), năng suất 70,34 tạ/ha (tăng 1,17 tạ/ha), sản lượng hơn 10,9 triệu tấn (tăng 205.600 tấn).

Có được kết quả này, bên cạnh sự chỉ đạo sâu sát của các cơ quan quản lý, là nhờ kinh nghiệm chủ động thích ứng với điều kiện không thuận lợi trong sản xuất và sự tuân thủ các khuyến cáo về cơ cấu giống, lịch thời vụ cũng như các hướng dẫn sản xuất của chính quyền và cơ quan chuyên môn của bà con nông dân. Kết quả này cũng phần nào cho thấy, người

nông dân đang ngày càng có kiến thức, trình độ trong việc kiểm soát dịch bệnh, góp phần làm nên thắng lợi của 3 vụ lúa trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Các địa phương nỗ lực đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, nâng cao chất lượng hạt gạo

Cùng với sự gia tăng về sản lượng, trong năm 2020, chất lượng gạo Việt Nam cũng đã được cải thiện nhờ kết quả của quá trình tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo trong thời gian qua. Hiện cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam đã có sự thay đổi, gạo trắng thường xuất khẩu chỉ còn gần 40% tổng kim ngạch; các loại gạo thơm, chất lượng cao có sự tăng trưởng, chiếm trên 40% kim ngạch xuất khẩu. Giá gạo xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2020 đã tăng gần 13% so với cùng kỳ năm 2019, đạt bình quân khoảng 490 USD/tấn. Bên cạnh đó, điểm đáng mừng là đã có không ít doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam tổ chức được các vùng nguyên liệu sản xuất theo quy trình nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm gạo đạt chất lượng an toàn theo tiêu chuẩn EU, mở ra cơ hội lớn cho hạt gạo Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào các thị trường lớn cùng với EU như Mỹ, Australia hay Nhật Bản.

Ngoài ra, các địa phương trên cả nước cũng nỗ lực đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, nâng cao chất lượng các giống lúa gắn với tính đặc thù của địa phương mình nhằm thúc đẩy tiêu thụ trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tiêu biểu như gạo Tám Điện Biên, gạo Ségou Lào Cai, gạo Tám Hải Hậu, gạo Tài Nguyên Chợ Đào... Các loại gạo hạt trong từ giống lúa Nhật Bản cũng được trồng và phát triển tại nhiều địa phương. Bên cạnh đó, quá trình tái cơ cấu cũng đã thúc đẩy việc lai tạo và chọn giống, lần đầu tiên Việt Nam có giống gạo thơm đạt danh hiệu "gạo ngon nhất thế giới" là gạo ST25, kéo theo sự chú ý đặc biệt của người tiêu dùng, góp phần quan trọng cho tiêu thụ và nâng



cao giá trị cho gạo Việt Nam. Việc phát triển các loại gạo ngon đã phần nào đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người dân các vùng miền trong cả nước cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt là phân khúc các thị trường "khó tính".

Những tín hiệu tích cực từ đầu năm 2020 đến nay cho thấy một bước chuyển biến mới của ngành hàng lúa gạo. Xuất khẩu gạo đã có sự tăng trưởng về chất lượng, giá bán, giá trị và số lượng gạo thơm vươn lên chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu. Trong thời gian tới, để hạt gạo Việt Nam có thể tận dụng hiệu quả lợi thế của các FTA đem lại, đặc biệt là Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ tháng 8/2020, bên cạnh việc tập trung xây dựng thương hiệu, ngành hàng lúa gạo Việt Nam cũng cần tiếp tục thực thi nhiều cơ chế, chính sách giải pháp xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo hoàn chỉnh, sản xuất theo đúng quy trình chất lượng an toàn trên cơ sở ứng dụng tự động hóa, cơ giới hóa trong nông nghiệp. Đối với người nông dân, cần thay đổi tư duy canh tác kiểu cũ (lạm dụng phân, thuốc hóa học) sang canh tác hữu cơ, theo quy trình nông nghiệp an toàn (sử dụng phân hữu cơ, phân sinh học và một ít phân hóa học). Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần hợp tác với nông dân thông qua các mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới để từ đó xây dựng được những vùng nguyên liệu rộng lớn, có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng, áp dụng quy trình sản xuất chất lượng an toàn cho chuỗi cung ứng nguyên liệu của mình và bao tiêu sản phẩm của người nông dân.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

DỰ BÁO XUẤT KHẨU NHÓM HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SẼ DUY TRÌ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TRONG QUÝ IV/2020



Trong tháng 9/2020, mặc dù vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản nhìn chung đã có sự khởi sắc rõ rệt với sự bứt phá của nhiều mặt hàng chủ lực. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản (bao gồm thủy sản, rau quả, hạt tiêu, hạt điều, gạo, cà phê, chè, sắn và sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 9/2020 đạt 3,3 tỷ USD, giảm 2,7% so với tháng trước nhưng đã tăng tới 15,5% so với tháng 9/2019. Trong đó, ghi nhận tốc độ tăng trưởng tới trên 30% so với cùng kỳ năm trước của một số mặt hàng, bao gồm gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 32,9%);

cao su (tăng 34,7%). Ngoài ra, nhiều mặt hàng khác cũng đạt mức tăng trưởng khá trên 10% như thủy sản, hạt tiêu hay cà phê. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu các mặt hàng này hồi phục trở lại là nhờ một số đối tác thương mại đã nới lỏng các hoạt động kiểm soát nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh Covid-19; diễn biến tích cực trong hoạt động sản xuất toàn cầu, đặc biệt là tại một số nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc cộng với việc tận dụng lộ trình giảm thuế trong Hiệp định EVFTA của các doanh nghiệp đã có những kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, xuất khẩu rau quả trong tháng 9/2020 vẫn ở mức thấp khi giảm 11,8% xuống 238 triệu USD, chủ yếu do xuất khẩu sang Trung Quốc (thị trường

đang chiếm gần 60% tỷ trọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam) giảm tới 21%. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gạo trong tháng 9/2020 cũng giảm 7% so với tháng 9/2019 xuống 196 triệu USD sau nhiều tháng ở mức cao trong bối cảnh nguồn cung trên thị trường thế giới tăng trong khi nhu cầu có dấu hiệu suy yếu.

Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đạt 26,7 tỷ USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,2% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Như vậy, xuất khẩu nhóm hàng này đã tăng trưởng trở lại sau khi sụt giảm liên tục từ đầu năm 2020. Mặc dù đây là mức tăng trưởng rất thấp so với mục tiêu đặt ra đầu năm 2020, nhưng xét trong bối cảnh toàn ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn trước ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 và hoạt động thương mại toàn cầu suy giảm, có thể nói đây là diễn biến khá tích cực và cho thấy sự nỗ lực của các cơ quan quản lý, Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Đặc biệt là sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong việc đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại của các cơ quan quản lý; đầu tư đổi mới dây chuyền, công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, trình độ quản trị sản phẩm từ khâu nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp nhằm mở rộng các thị trường mới, thâm nhập sâu hơn vào các thị trường "khó tính" trong bối cảnh xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, thủy sản sang Trung Quốc giảm mạnh.

Từ đầu năm 2020 đến nay, ngành nông nghiệp đối mặt với khó khăn cả về thị trường lẫn giá nông sản xuất khẩu, thậm chí có những thời điểm xuất khẩu sang Trung Quốc phải tạm dừng giao thương biên mậu. Trong 9 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng đều giảm, chỉ có 3 mặt hàng tăng trưởng là gạo (tăng 11,1%); sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 0,6%); gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 12,6%). Giá xuất khẩu bình

quần hầu hết các mặt hàng nông sản đều giảm so với cùng kỳ năm trước, ngoại trừ giá gạo tăng khá (tăng 12,7%) và cà phê tăng nhẹ (tăng 0,4%). Mặc dù khó khăn, vẫn có 6/10 mặt hàng đạt kim ngạch trên 2 tỷ USD, bao gồm thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, gạo, rau quả, hạt điều và cà phê.

Đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, đây là mặt hàng có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất về kim ngạch trong nhóm nông, lâm, thủy sản trong 9 tháng qua, với mức tăng 12,6% lên 8,5 tỷ USD và chiếm tới 31,8% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Cùng với tốc độ tăng trưởng khả quan trong hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các thị trường lớn như Mỹ hay Trung Quốc, kỳ vọng quá trình thực thi EVFTA sẽ giúp mở rộng được thị trường tiêu thụ mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ tại các nước trong khối EU trong thời gian tới.



Bên cạnh đó, trong tháng 9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam, trong đó Nghị định quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đối với nhập khẩu, xuất khẩu; tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; cấp giấy phép FLEGT. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/10/2020 (trừ cấp giấy phép FLEGT và phân loại doanh nghiệp sau khi Nghị định có hiệu lực 180 ngày). Đây là cơ sở để đảm bảo tính pháp lý của gỗ và

sản phẩm gỗ của Việt Nam, điều này sẽ khiến đồ gỗ của Việt Nam có thêm động lực để nâng cao tính cạnh tranh khi xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thông tin minh bạch và sản phẩm thân thiện với môi trường. Ngoài ra, thực thi chính sách trên cũng giúp giảm nguy cơ về gian lận thương mại, giả xuất xứ hàng hóa, doanh nghiệp bị kiện chống bán phá giá, trợ cấp.

Với những thuận lợi về thị trường xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ năm 2020 dự kiến có thể đạt 12,5 - 13 tỷ USD, tăng khoảng 17,5 - 22% so với năm 2019, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đạt 12 tỷ USD đặt ra trong năm nay và tiếp tục là động lực quan trọng nhất trong thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của nhóm nông, lâm, thủy sản.

Tình hình xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2020				Tỷ lệ so sánh (%)					
	Tháng 9		9 tháng		T9/20 so với T8/20		T9/20 so với T9/19		9T/20 so với 9T/19	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng KNXK		27.163		202.572		-1,9		16,6		4,1
Nhóm nông, lâm, thủy sản		3.307		26.680		-2,7		15,5		1,5
Tỷ trọng		12,2		13,2						
Thủy sản		826		6.035		1,4		13,5		-3,0
Rau quả		238		2.491		-13,9		-11,8		-11,5
Hạt điều	51	306	365	2.310	10,3	12,6	21,5	5,0	11,2	-3,5
Cà phê	100	188	1.251	2.157	-0,5	2,0	8,0	11,7	-1,4	-1,0
Chè	13	22	98	157	1,2	1,7	4,6	1,4	4,0	-4,8
Hạt tiêu	18	46	220	489	5,4	5,5	22,3	24,2	-5,8	-17,5
Gạo	385	196	4.990	2.448	-36,4	-35,7	-19,4	-7,0	-1,4	11,1
Sắn và các sản phẩm từ sắn	185	73	1.927	678	13,0	22,2	-4,1	-4,7	11,2	0,6
- Sắn	17	4	498	113	-59,5	-58,5	63,4	59,4	85,1	94,7
Cao su	206	265	1.113	1.423	-7,9	-3,5	36,8	34,7	0,2	-6,0
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.147		8.490		-0,2		32,9		12,6
- Sản phẩm gỗ		922		6.395		-0,7		42,8		17,9

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng nông sản chủ lực trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020

Mặt hàng chủ yếu	Tháng 9/2020	9 tháng/2020	So sánh (%)		
	(USD/tấn)	(USD/tấn)	T9/20 so với T8/20	T9/20 so với T9/19	9T/20 so với 9T/19
Hạt điều	5.957	6.333	2,1	-13,6	-13,2
Cà phê	1.886	1.725	2,5	3,4	0,4
Chè	1.652	1.602	0,5	-3,0	-8,4
Hạt tiêu	2.504	2.223	0,2	1,6	-12,4
Gạo	508	491	1,1	15,4	12,7
Sắn và các sản phẩm từ sắn	395	352	8,1	-0,5	-9,5
- Sắn	259	227	2,5	-2,4	5,2
Cao su	1.289	1.278	4,8	-1,6	-6,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Trong những tháng cuối năm 2020, với 13 Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, hoạt động đẩy mạnh xuất khẩu tại nhiều thị trường trọng yếu đã thuận lợi hơn rất nhiều. Đặc biệt, với Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản của Việt Nam gần như đã nâng cao được năng lực cạnh tranh về giá thành. Bởi thuế xuất khẩu một số chủng loại mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam ngay lập tức về 0% hoặc theo lộ trình 3 năm đến 7 năm tiếp theo. Trong khi đó, những hàng hóa xuất khẩu cùng loại ở các quốc gia khác chưa ký FTA với EU vẫn phải chịu thuế ở mức cao. Tiêu biểu như mặt hàng tôm sú của Việt Nam, xuất khẩu vào EU được giảm từ mức thuế GSP 4,2% về 0% ngay khi EVFTA có hiệu lực, tôm chân trắng đông lạnh sẽ giảm dần về 0% sau 5 năm. Trong khi các nguồn cung cấp cạnh tranh chủ yếu gồm: Thái Lan không được hưởng GSP, không có FTA nên có mức thuế cơ bản vào EU là 12%, Ấn Độ không có FTA, chịu thuế GSP 4,2%, Indonesia chịu thuế GSP 4,2% và Ecuador chịu mức thuế cơ bản 12%. Ngoài ra, mức thuế xuất khẩu sẽ còn cao hơn, thậm chí lên đến 100% nếu những sản phẩm của các quốc gia đó bị điều tra phòng vệ thương mại và áp thuế chống bán phá giá. Trong tháng 9/2020 đã ghi nhận hàng loạt lô hàng xuất khẩu nông, thủy sản tận dụng ưu đãi theo Hiệp định EVFTA và được hưởng thuế suất 0% khi xuất khẩu vào EU như mặt hàng: gạo thơm, chanh leo, tôm sú, bưởi, thanh long ...

Mặc dù tình hình dịch bệnh đã có những diễn biến khả quan hơn cộng với sự hỗ trợ bởi hàng loạt các FTA đã có hiệu lực và cuối năm thường là giai đoạn “nước rút” để đẩy mạnh tăng trưởng của các doanh nghiệp, nhưng nhìn chung xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong quý cuối cùng của năm 2020 vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn khi tình hình dịch bệnh tại nhiều quốc gia có thể tái bùng phát. Bên cạnh đó, việc siết chặt các hàng rào kỹ thuật, tăng cường các biện pháp bảo hộ đối với chất lượng hàng hóa nông, thủy sản tại các thị trường nhập khẩu cũng là yếu tố quan trọng tác động đến tình hình xuất khẩu nhóm hàng này trong thời gian tới.

Dự báo trong quý IV/2020, xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhưng vẫn khó có thể bù đắp được mức giảm trong những tháng đầu năm 2020. Do đó, tính chung trong cả năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản dự báo sẽ chỉ đạt khoảng 36 tỷ USD, giảm nhẹ 0,3% so với kết quả đã đạt được trong năm 2019.



XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG MỸ TĂNG 19,9% TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Mặc dù chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 9 tháng đầu năm 2020 vẫn đạt mức tăng trưởng cao 19,9% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 7,17 tỷ USD. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ đã bứt phá mạnh trong quý III/2020 sau khi nước này nới lỏng các biện pháp kiểm soát dịch Covid-19. Cụ thể, chỉ trong quý III/2020, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đã đạt mức cao kỷ lục 3,08 tỷ USD, tăng mạnh 45,4% so với quý II/2020 và tăng 35,6% so với quý III/2019.

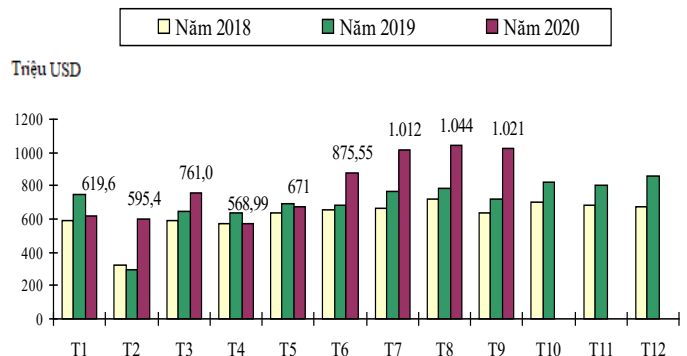
Trong 9 tháng đầu năm 2020, gỗ và sản phẩm gỗ là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Mỹ, đạt 4,76 tỷ USD, tăng 29,8% so với cùng kỳ năm 2019 và chiếm 66,35% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm,

thủy sản của Việt Nam sang thị trường này; thủy sản đứng thứ hai đạt kim ngạch 1,17 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2019; tiếp đến là hạt điều đạt 121,36 nghìn tấn, trị giá 773,26 triệu USD, tăng 11,4% về lượng nhưng giảm nhẹ 0,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản khác sang thị trường Mỹ cũng tăng so với cùng kỳ năm 2019 như: Cà phê tăng 7,5%, rau quả tăng 9,1%, gạo tăng 22,5%.



Tính riêng trong tháng 9/2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 1,02 tỷ USD, giảm 2,2% so với tháng 8/2020 nhưng tăng tới 41,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng tăng mạnh so với tháng 9/2019 như: Gỗ và sản phẩm gỗ tăng 55,3%, thủy sản tăng 20,7%, rau quả tăng 36%.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Mỹ năm 2018 - 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 9/2020		So với tháng 8/2020 (%)		So với tháng 9/2019 (%)		9 tháng năm 2020		So với 9 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		1.021.750		-2,2		41,4		7.170.322		19,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		723.300		0,0		55,3		4.757.336		29,8
Hàng thủy sản		154.016		-15,8		20,7		1.174.773		8,5
Hạt điều	15.334	92.337	-0,1	4,0	10,0	0,9	121.357	773.260	11,4	-0,4
Cà phê	11.360	20.186	-0,8	5,6	115,4	109,2	112.055	199.669	0,8	7,5
Hàng rau quả		16.935		10,9		36,0		122.148		9,1
Hạt tiêu	4.217	10.750	-7,9	-7,0	4,4	2,5	42.524	106.186	4,8	-4,6
Cao su	2.463	3.105	19,7	23,6	-11,6	-13,3	15.997	21.617	-30,6	-30,0
Gạo	951	606	-27,3	-33,3	-45,4	-46,5	14.852	10.180	18,0	22,5
Chè	377	515	30,4	37,8	4,1	23,6	3.985	5.152	-10,4	-6,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ

Trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ bị ảnh hưởng mạnh trước tác động của đại dịch Covid-19, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này vẫn duy trì được đà tăng trưởng cao. Điều này cho thấy các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đang tìm được chỗ đứng vững chắc tại thị trường này. Đồng thời, việc gia tăng xuất khẩu vào thị trường có đòi hỏi cao về tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng như thị trường Mỹ cũng cho thấy chất lượng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đang ngày càng được nâng cao.

Trong thời gian qua, bên cạnh việc đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ, để duy trì và phát triển quan hệ thương mại với Mỹ trong lĩnh vực nông nghiệp, các cơ quan hai nước đã hợp tác chặt chẽ giải quyết quyết nhiều yêu cầu về tiếp cận thị trường, xử lý các vấn đề liên quan đến các biện pháp kiểm dịch động thực vật trong khuôn khổ kế hoạch hành động hướng tới cân cân thương mại hài hòa và bền vững với Mỹ. Nhằm thúc đẩy nông sản Mỹ sang Việt Nam, 9 nhóm hàng nông sản của Mỹ nhập khẩu vào Việt Nam được giảm thuế như lúa mì từ 5% xuống 3%; táo, nho

tươi từ 10% xuống 8%; hạnh nhân từ 15% xuống 10%; óc chó từ 10% xuống 8%; thịt heo từ 25% xuống 22%; sản phẩm sữa có mức giảm thuế tùy loại...

Trong thời gian tới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan chuyên ngành phía Mỹ để những thủ tục về kiểm dịch của hai bên ngày càng thuận lợi. Đồng thời, hai bên đang tích cực mở cửa thị trường cho các sản phẩm như: quả hạch, hạnh nhân, bưởi chùm từ phía Mỹ sang Việt Nam và tương tự Việt Nam cũng đề nghị mở cửa đối với quả bưởi của Việt Nam vào thị trường Mỹ.

Gỗ và sản phẩm gỗ:

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (Vifores), trong khi kim ngạch xuất khẩu các dòng sản phẩm như nội thất văn phòng, nội thất phòng ngủ sang thị trường Mỹ giảm so với năm 2019, thì các mặt hàng nội thất phòng bếp, phòng tắm đang có xu hướng tăng. Nguyên nhân phần lớn là do Trung Quốc đang bị Mỹ áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp, dẫn đến các doanh nghiệp Mỹ dịch chuyển đơn hàng sang Việt Nam.

Bên cạnh đó, dịch Covid-19 cũng là một trong những yếu tố làm tăng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ, nhất là các mặt hàng tủ bếp, tủ nhà



tắm. Dịch Covid-19 khiến người dân Mỹ ở trong nhà nhiều hơn, và họ có nhu cầu sửa sang nhà cửa, mua sắm đồ đạc mới thay thế với thói quen tiêu dùng đồng bộ.

Tuy nhiên, hiện đã xuất hiện tín hiệu cho thấy một số rủi ro về gian lận thương mại đối với mặt hàng tủ bếp, bộ phận tủ bếp và ghế bọc đệm được xuất khẩu từ Việt Nam vào thị trường Mỹ.

Trước đó, sau khi khởi kiện vào tháng 2/2020, Bộ Thương mại Mỹ đã chính thức khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế với sản phẩm gỗ dán của Việt Nam do nghi ngờ sản phẩm Trung Quốc mượn nhãn mác hàng Việt Nam.

Hàng thủy sản:

Trong thời gian qua, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ tăng chủ yếu là do nhu cầu nhập khẩu tôm ở mức cao từ thị trường này. Cụ thể, trong 8 tháng đầu năm 2020, tôm các loại là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Mỹ với kim ngạch đạt 541,56 triệu USD, tăng tới 31,7% so với cùng kỳ năm 2019. Với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, Mỹ hiện đang là thị trường dẫn đầu về nhập khẩu tôm Việt Nam. Theo đánh giá, tôm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn so với các nguồn cung khác của Mỹ nhờ ổn định lại sản xuất nhanh hơn sau Covid-19 trong khi các nguồn cung như Ấn Độ và Ecuador vẫn còn đang phải chịu tác động nặng nề. Các nhà chế biến và xuất khẩu tôm của Ấn Độ, Ecuador không chỉ chịu tác động bởi đơn hàng giảm mà còn do hoạt động

sản xuất trong nước bị đình trệ.

Ngoài ra, Mỹ cũng tăng nhập khẩu đối với cá đóng hộp (tăng 124,9%), cua các loại (tăng 24,6%), mực các loại (tăng 20,7%), bánh hải sản (tăng 231,1%), surimi (tăng 75,6%)...

Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thủy sản khác sang thị trường Mỹ lại giảm như: cá ngừ giảm 15,8%, ghe giảm 39%, nghêu giảm 19,1%... Riêng xuất khẩu cá tra, basa của Việt Nam sang thị trường Mỹ tăng 15% về lượng nhưng trị giá giảm 17,8%.

Trong những tháng cuối năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ được dự báo tiếp tục tăng trưởng do nhu cầu tại Mỹ thường tăng trong dịp Giáng sinh và ngày Lễ Tết cuối năm. Trong đó, mặt hàng tôm, nhất là tôm chân trắng đang có triển vọng tăng trưởng bởi sản phẩm này vẫn tiêu thụ tốt tại phân khúc bán lẻ, đồng thời Việt Nam có thể tăng chế biến và xuất khẩu các sản phẩm có thời hạn bảo quản lâu như cá ngừ và cá biển khác đóng hộp.

Theo Cơ quan Khí quyển và Đại dương quốc gia Mỹ (NOAA), nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 8/2020 tiếp tục phục hồi sau đợt sụt giảm do đại dịch Covid-19, với mức cao kỷ lục 82.411 tấn, trị giá 701,5 triệu USD, tăng 17% về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Đợt tăng mạnh nhập khẩu tôm gần đây tại Mỹ đã đưa tổng nhập khẩu tôm của nước này trong 8 tháng đầu năm 2020 lên 460.070 tấn, trị giá 3,9 tỷ USD, tăng 6% về lượng và tăng 8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trong khi đó, các nhà phân tích kỳ vọng người tiêu dùng Mỹ quan tâm vấn đề ăn uống lành mạnh sẽ thúc đẩy tiêu thụ thủy sản trong tương lai gần. Ngoài ra, nhu cầu mua hàng của người Mỹ - đặc biệt là thủy sản đông lạnh dự kiến sẽ tiếp tục tăng vào mùa thu và mùa đông năm nay, một phần do xu hướng không đến trường học do Covid-19 nhiều trẻ em tuổi đi học sẽ chỉ học trực tuyến, sẽ dẫn đến có nhiều bữa ăn tại nhà hơn.

Xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	8 tháng năm 2020			So với 8 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XK BQ
Tôm các loại	50.072	541.562	10.816	26,0	31,7	4,6
Cá ngừ các loại	28.104	182.310	6.487	-15,6	-15,8	-0,2
Cá tra, basa	53.408	154.519	2.893	15,0	-17,8	-28,5
Cá đông lạnh	12.213	70.830	5.800	-3,5	-4,1	-0,6
Ghẹ các loại	1.315	17.227	13.097	-7,7	-39,0	-34,0
Cá đóng hộp	3.219	11.142	3.462	115,2	124,9	4,5
Cua các loại	373	7.526	20.178	48,6	24,6	-16,2
Nghêu các loại	1.525	3.763	2.467	-24,9	-19,1	7,8
Mực các loại	556	3.655	6.578	44,4	20,7	-16,4
Bánh hải sản	333	3.450	10.374	217,8	231,1	4,2
Bạch tuộc các loại	594	3.073	5.172	-48,5	-54,5	-11,6
Surimi	610	3.060	5.017	85,9	75,6	-5,6
Mắm	771	2.948	3.822	43,3	18,8	-17,1
Thủy sản khác	217	1.855	8.561	33,6	50,5	12,6
Cá khô	197	1.747	8.867	34,9	46,3	8,5
Thủy sản làm cảnh	24	1.594	65.092	-53,1	16,4	148,1
Ốc các loại	308	1.562	5.072	136,4	86,6	-21,1
Sò các loại	122	892	7.324	79,7	32,7	-26,1
Ba khía	99	493	4.979	76,2	92,7	9,4
Lươn	42	491	11.745	210,1	218,5	2,7
Hến	103	362	3.526	40,3	59,1	13,4
Tép	54	230	4.221	51,5	96,4	29,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả:

Xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang thị trường Mỹ dự báo tăng trưởng mạnh cả về lượng và trị giá trong những tháng cuối năm 2020 do các yếu tố như: Kinh tế Mỹ đang phục hồi trở lại, sự khởi đầu của mùa tiêu dùng cao điểm và các nỗ lực kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam. Thông thường, mùa xuất khẩu trái cây cao điểm của Việt Nam bắt đầu từ tháng 10 và kéo dài tới tháng 6 năm kế tiếp.

Hiện Việt Nam có 6 loại trái cây được phép xuất khẩu sang Mỹ, bao gồm thanh long, chôm chôm, nhãn, vải, vú sữa và xoài. Bưởi được kỳ vọng sẽ là loại trái cây thứ 7 trong danh sách này.

Trong 8 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu thanh long của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 15,35 triệu USD, giảm mạnh 34,3% so với cùng kỳ năm

2019. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng có xu hướng tăng như: Hạt dẻ cười, dứa, xoài, dứa...

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2020

Tên hàng	8 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2019 (%)
Thanh long	15.348	-34,3
Hạt dẻ cười	9.777	54,0
Dứa	7.598	43,5
Xoài	5.503	57,9
Nhãn	4.874	-12,0
Dứa	4.787	76,1
Ngô	4.669	-6,1
Mãng cầu	4.105	-18,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

HÀ LAN TĂNG NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM TRONG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020



Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hà Lan trong tháng 9/2020 đạt 68,58 triệu USD, giảm 9,2% so với tháng 8/2020 nhưng tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hà Lan tăng 23,8% so với tháng 9/2019, hàng rau quả tăng 10,8%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 6,7%, cà phê tăng 24,9%, đặc biệt gạo tăng đến 270,4%. Ngược lại, hạt tiêu xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hà Lan giảm 27,2% về lượng và 18,6% về

trị giá so với tháng 9/2019. Riêng hạt điều tăng 12% về lượng nhưng giảm 3,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 9 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hà Lan tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 618,86 triệu USD. Trong đó, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Canada tăng mạnh 47,6% về lượng và tăng 27% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gạo và cà phê sang thị trường này tăng lần lượt là 28,1% và 35,4%...

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hà Lan trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 9/2020		So với tháng 8/2020 (%)		So với tháng 9/2019 (%)		9 tháng năm 2020		So với 9 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		68.576		-9,2		6,4		618.864		9,2
Hạt điều	5.522	33.388	-6,9	-8,6	12,0	-3,4	46.062	299.523	47,6	27,0
Hàng thủy sản		20.117		-16,7		23,8		161.214		-2,5
Hàng rau quả		6.604		12,4		10,8		61.277		-3,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		4.266		-7,2		6,7		51.152		-6,5
Hạt tiêu	343	1.116	-46,2	-44,0	-27,2	-18,6	5.895	18.283	-9,2	-16,6
Cà phê	811	1.387	49,6	8,8	14,1	24,9	9.174	16.970	19,2	28,1
Cao su	769	1.081	39,1	56,3	-9,1	6,6	5.476	7.007	-28,5	-26,1
Gạo	1.210	618	65,8	45,1	406,3	270,4	6.721	3.438	36,6	35,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Triển vọng trong thời gian tới:

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hà Lan được dự báo sẽ tăng trưởng tích cực hơn trong thời gian tới sau khi Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực từ tháng 8/2020. Việc cắt giảm thuế suất nhiều mặt hàng đang mở ra cơ hội lớn cho hàng hóa của Việt Nam thâm nhập vào EU nói chung và Hà Lan nói riêng.



Mặt hàng hạt điều:

Hà Lan hiện đang là 1 trong số những thị trường tiêu thụ hạt điều lớn nhất thế giới, với tốc độ tăng trưởng trung bình dự báo đạt 3,2% trong giai đoạn 2020 - 2025. Đồng thời, Hà Lan cũng đang là nhà nhập khẩu hạt điều nhân lớn nhất của châu Âu, chiếm hơn 40% tổng kim ngạch nhập khẩu của khu vực. Trên toàn cầu, quốc gia này chiếm 10% tổng thương mại hạt điều.

Việc tiêu thụ hạt điều ngày càng tăng tại Hà Lan được thúc đẩy bởi xu hướng ăn nhẹ lành mạnh và sử dụng các loại hạt để thay thế cho protein động vật. Theo INC, Hà Lan là nước tiêu thụ hạt điều bình quân đầu người cao thứ ba ở châu Âu, sau Đức và Anh. Mức tiêu thụ bình quân đầu người ở Hà Lan ước tính dao động trong khoảng 0,7 - 1,7 kg/năm.

Ngoài việc ăn nhẹ, hạt điều ngày càng được sử dụng nhiều như một nguyên liệu, đặc biệt là trong các món ăn như bơ hạt điều. Bơ điều ở Hà Lan được sản xuất

100% từ hạt điều hoặc trộn với các loại hạt khác như đậu phộng và hạnh nhân. Hà Lan là nước tiêu thụ bơ đậu phộng lớn nhất châu Âu. Bơ hạt điều được coi là tốt cho sức khỏe hơn có thể thay thế bơ đậu phộng.

Hà Lan cũng là nhà nhập khẩu và tái xuất khẩu lớn nhất ở châu Âu, là một thị trường có liên quan lớn đến thương mại hạt điều ở châu Âu. Hà Lan là trung tâm phân phối hạt điều nhân chính ở châu Âu và có 93% thị phần nhập khẩu có nguồn gốc trực tiếp.

Do khí hậu châu Âu không thích hợp cho việc trồng hạt điều nên việc xuất khẩu điều trên thị trường này thực chất là tái xuất hạt điều nhập khẩu. Tuy nhiên, hạt điều nhập khẩu phải trải qua nhiều quy trình chế biến khác nhau theo yêu cầu xuất khẩu. Riêng Hà Lan chiếm 50% tổng lượng hạt điều tái xuất khẩu của khu vực châu Âu. Đức, Bỉ, Pháp và Ba Lan là một số nước nhập khẩu hạt điều chính từ Hà Lan.

Hàng rau quả:

Việt Nam hiện đứng thứ 5 châu Á về sản lượng rau quả, sản phẩm rau quả của Việt Nam đã có mặt tại trên 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đặc biệt, Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ tháng 8/2020 đang mang đến nhiều cơ hội mới cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thị trường EU.

Trong đó, Hà Lan được xem là cửa ngõ để rau quả của Việt Nam thâm nhập vào thị trường EU, nơi trung chuyển hàng hóa hàng đầu châu Âu và thế giới đối với các mặt hàng rau, củ, quả. Hiện hơn 20% rau quả tươi do các nước đang phát triển cung cấp cho EU thông qua Hà Lan.

EU là một thị trường có nhu cầu ổn định về rau quả (chiếm 45% trị giá thương mại hàng rau quả toàn cầu). Quy mô thị trường rộng lớn và nhu cầu theo mùa của EU chính là thị trường hấp dẫn cho các nhà cung cấp ở các nước đang phát triển.

Tuy nhiên, các nhà nhập khẩu EU thường tìm kiếm các nhà cung cấp đáng tin cậy trong các khu vực chiến lược để có thể cung cấp rau quả cho người tiêu dùng bất kỳ lúc nào trong năm.

Những loại trái cây nhiệt đới và mới lạ sẽ thu hút người tiêu dùng EU nói chung và Hà Lan nói riêng. Điều này sẽ là thế mạnh cho các nhà xuất khẩu từ các quốc gia có khí hậu nhiệt đới, trong đó có Việt Nam.

Xuất khẩu một số mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Hà Lan trong 8 tháng đầu năm 2020

Tên hàng	8 tháng năm 2020 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2019 (%)
Chanh leo	16.598	-25,0
Nước lã tiên	6.879	90,7
Chanh	6.586	-6,9
Thanh long	5.987	10,1
Ốc chó	4.036	346,4
Hạnh nhân	3.632	-51,3
Xoài	1.890	42,6
Mãng cầu	1.687	63,5
Gừng	1.260	-12,8
Dừa	1.063	8,1
Dứa	627	-45,8
Ngô	584	2,7
Bưởi	415	-49,3
Vải	333	72,4
Sả	319	94,3
Sầu riêng	255	2.054,1
Macadamia	253	-66,7
Ốt	188	148,4
Chôm chôm	163	-60,5
Chuối	154	22,0
Khoai lang	150	19,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



LÂM ĐỒNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN, ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU

Lâm Đồng là tỉnh có vị trí địa lý, khí hậu và thổ nhưỡng đặc thù và có tiềm năng phát triển mạnh ở lĩnh vực nông nghiệp. Trong thời gian qua, nhờ các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương Việt Nam tham gia, cùng sự cải thiện cơ sở hạ tầng, xuất khẩu hàng hóa của Lâm Đồng có nhiều chuyển biến, giá trị xuất khẩu liên tục tăng, đặc biệt trong lĩnh vực nông sản.

Đến nay Lâm Đồng có 19 sản phẩm được đăng ký xác lập quyền nhãn hiệu và đang phát huy uy tín thương hiệu, như: Rau Đà Lạt, Hoa Đà Lạt, Trà B'Laio, cà phê Arabica Langbiang, cá nước lạnh Đà Lạt, tơ tằm Bảo Lộc; phối hợp với tổ chức JICA Nhật Bản xây dựng thành công thương hiệu "Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành" đối với các sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông. Ngoài ra, sau hơn 2 năm triển khai thực hiện Dự án Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Hồng Đà Lạt", Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt cũng đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ độc quyền.

Theo đánh giá của các chuyên gia nông nghiệp, rau, hoa và cà phê Arabica Đà Lạt có lợi thế so sánh đặc biệt, nhờ điều kiện tự nhiên lý tưởng. Trải qua hơn 80 năm hình thành nghề trồng hoa, Đà Lạt đã trở thành vùng sản xuất hoa nổi tiếng cả nước. Đà Lạt hiện có 5 làng hoa truyền thống gồm Hà Đông, Thái Phiên, Vạn Thành, Xuân Thành và Đa Thiện cùng với hàng trăm doanh nghiệp, nông hộ mỗi năm cung cấp cho thị trường trên 3 tỉ cành hoa các loại. Không chỉ nổi tiếng về hoa, Đà Lạt còn là vùng đất có khí hậu, độ cao và thổ nhưỡng để sản sinh cà phê Arabica chất lượng cao. Hiện nay thương hiệu "Cà phê Arabica Langbiang", "Cà phê Cầu Đất - Đà Lạt" và "Cà phê Di Linh" đã

được đăng ký bảo hộ độc quyền. Riêng cà phê Arabica Cầu Đất còn được chọn đưa vào chuỗi bán hàng Starbucks tại nhiều quốc gia trên thế giới vì chất lượng vượt trội. Một trong những mục tiêu chiến lược của tỉnh về phát triển nông nghiệp công nghệ cao là xây dựng Lâm Đồng trở thành trung tâm cà phê Arabica của Việt Nam, là một trong những vùng cà phê Arabica có chất lượng cao trên thế giới.



Việc mở rộng và kết nối thị trường tiêu thụ cho nông sản Lâm Đồng là điều hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Do vậy, Lâm Đồng thực hiện nhiều giải pháp, trong đó ngành nông nghiệp tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch theo hướng sản xuất đầy mạnh ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái; Căn cứ vào quy hoạch để xây dựng các vùng sản xuất với quy mô và chủng loại nông sản phù hợp, áp dụng các phương pháp sản xuất an toàn (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thương hiệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc ký kết hợp đồng tiêu thụ lớn, ổn định giá cả lâu dài, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu.

Đặc biệt, tỉnh rất chú trọng đến phát triển chuỗi liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm để vừa phát triển sản xuất, vừa kiểm soát được nguồn gốc sản phẩm thông qua các hợp đồng liên kết; Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm nông sản, đa dạng hóa sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường; Chú trọng đến việc áp dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến, công nghệ thông minh vào sản xuất, chế biến, truy xuất nguồn gốc, áp dụng mã QR code, nhật ký điện tử,... để nâng cao chất lượng sản phẩm, minh bạch thông tin, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Trong nhiều năm gần đây, Lâm Đồng đã chú trọng hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế với việc phối hợp với các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài cũng như các Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán nước ngoài ở Việt Nam để tìm đường đi cho hàng hóa. Như tìm thị trường cho chè ở Nga, Uzbekistan, Pakistan, tìm đường cho lụa ở Ấn Độ, tìm đường xuất khẩu sầu riêng sang Trung Quốc. Hoạt động xây dựng thương hiệu cũng được tích cực tiến hành nhằm định hình được nhu cầu hàng hóa của người tiêu dùng.

Nắm bắt xu thế tiêu dùng của thị trường thế giới, Lâm Đồng không mở rộng xuất khẩu hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô sản phẩm mà định hướng xuất khẩu theo hướng tinh chế, phát triển dòng sản phẩm hữu cơ, thân thiện với môi trường và chú trọng tiếp cận thị trường bằng thương mại điện tử. Định hướng đúng sẽ giúp nông sản Lâm Đồng ổn định trên thị trường, đồng thời gia tăng giá trị xuất khẩu trong tương lai.

Những năm gần đây, các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNCNC), nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ trong tỉnh phát triển khá mạnh. Toàn tỉnh hiện có 60.200 ha sản xuất NNCNC, chiếm 20% diện tích đất canh tác toàn tỉnh (tăng 16.996 ha so với năm 2015). Cụ thể, có 24.300 ha rau; 2.927 ha hoa các

loại; 6.583 ha chè, 157 ha cây dược liệu; 300 ha cây ăn quả; 3.827 ha lúa chất lượng cao; 21.945 ha cà phê và các loại cây trồng khác. Nhiều mô hình sản xuất mới ứng dụng công nghệ cao tiếp tục hình thành; sản xuất theo chuỗi; liên kết, hợp tác sản xuất ngày càng đa dạng về hình thức; đã hình thành 7 vùng sản xuất NNCNC. Hiệu quả sản xuất NNCNC đã mang lại giá trị vượt bậc, nhất là các loại cây trồng chủ lực của Lâm Đồng như các loại hoa cao cấp sản xuất trong nhà kính, nhà lưới bằng công nghệ thủy canh, công nghệ giá thể...

Đặc biệt, hiện tỉnh có 10 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và đã được công nhận doanh nghiệp công nghệ cao. Mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch canh nông đang được khách du lịch ưa thích lựa chọn...

Tỉnh Lâm Đồng cũng có ngành dâu tằm tơ phát triển, với gần 9.000 ha dâu tằm (chiếm 70% diện tích dâu tằm cả nước). Lâm Đồng hiện có hơn 120 cơ sở nuôi tằm con tập trung, với hơn 30 cơ sở, doanh nghiệp ương tơ, dệt lụa. Bảo Lộc là trung tâm sản xuất tơ lụa của tỉnh Lâm Đồng nói riêng và Việt Nam nói chung. Sản phẩm tơ lụa Bảo Lộc có chất lượng tốt, được người tiêu dùng trong nước và nhiều nước trên thế giới ưa chuộng, đánh giá cao. Hàng năm, Bảo Lộc sản xuất trên 1.050 tấn tơ và hơn 5 triệu mét lụa được tiêu thụ nội địa và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp, Italy và các nước trong khu vực Trung Đông. Tuy nhiên, do công nghệ sản xuất và đặc biệt là khâu đóng gói sản phẩm còn nhiều hạn chế ảnh hưởng đến xuất khẩu sản phẩm tơ lụa ra thị trường thế giới.

Để mở rộng thị trường nông sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Lâm Đồng nói riêng, khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói chung sẽ tiếp tục quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung chất lượng cao gắn với sơ chế, chế biến xây dựng thương hiệu đặc trưng của mình.

HỘI NGHỊ GIAO THƯƠNG TRỰC TUYẾN VIỆT NAM – TÂY BAN NHA TỪ EVFTA 2020

Thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2020, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đón đầu các cơ hội từ Hiệp định EVFTA để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Tây Ban Nha nói riêng và Liên minh Châu Âu (EU) nói chung, Cục Xúc tiến Thương mại- Bộ Công Thương phối hợp với Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Tây Ban Nha và các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị giao thương trực tuyến cơ hội kinh doanh và đầu tư Việt Nam – Tây Ban Nha từ EVFTA 2020. Thời gian (dự kiến): Ngày 11 tháng 11 năm 2020. Ngành hàng sản phẩm tiêu dùng: nông sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng các loại...

Mỗi doanh nghiệp tham gia Hội nghị sẽ được Nhà nước hỗ trợ (miễn phí) mời doanh nghiệp tiềm năng Tây Ban Nha tham gia giao thương, tổ chức phòng họp trực tuyến, phiên dịch, tuyên truyền quảng bá về sự kiện... Các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia chương trình, đăng ký tại liên kết:

<https://forms.gle/DCpKnDB7bgggzPFo8> và gửi kèm theo các tài liệu vào email ketnoigiaothuong@gmail.com:

Thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ: Địa chỉ: Tầng 7, 20 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-39364792 (máy lẻ: 109)

Liên hệ: Anh Toàn (0988354238), anh Vũ (0936582237)

Email: toanlc.vietrade@gmail.com, vunt226@gmail.com

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HÀNG MẪU TRƯNG BÀY TẠI HỘI CHỢ THỦY SẢN BUSAN 2020

Mặc dù bị ảnh hưởng nhiều do dịch Covid-19, Hội chợ Thủy sản BISFE 2020 vẫn được tổ chức với sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài. Như hàng năm, Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc sẽ tham gia một gian hàng tại Hội chợ BISFE, và sẽ tiếp nhận hàng mẫu của các doanh nghiệp để trưng bày, quảng bá cho hàng thủy, hải sản Việt Nam.

Thông tin về Hội chợ BISFE 2020: <http://www.bisfe.com/p11-e.php>

- Thời gian: từ 05-07/11/2020

- Địa điểm: Trung tâm triển lãm COEX, Seoul (Hall 1-2-3)

- Chi tiết về hàng trưng bày: video giới thiệu, ảnh (gửi qua email) catalog, name card, poster, banner (gửi qua bưu điện/chuyển phát nhanh).

- Thời hạn tiếp nhận hàng trưng bày: 2/11/2020

Doanh nghiệp quan tâm và có nhu cầu tham gia đề nghị liên hệ với Thương vụ để biết thêm chi tiết.

Email: kr@moit.gov.vn

Điện thoại: + 82 10 2614 1369 (Ms. Chi)

GIAO THƯƠNG

DOANH NGHIỆP BUNGARI CẦN TÌM ĐỐI TÁC SẢN XUẤT ĐỒ GỖ NỘI THẤT

Doanh nghiệp tại Bungari cần tìm đối tác tại Việt Nam để sản xuất các sản phẩm nội thất trong nhà (tủ bếp, giường, tủ quần áo, bàn ghế...). Doanh nghiệp Bungari có hệ thống phân phối tại Bungari cũng như là đối tác với một số nhà phân phối các sản phẩm này tại Ba Lan và Ucraina. Do nhu cầu mở rộng thị trường và nguồn hàng, bên cạnh các nguồn cung cấp từ Trung Quốc và Malaysia, doanh nghiệp Bungari muốn hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam có uy tín và quy mô nhằm đáp ứng các đơn hàng, theo hình thức doanh nghiệp Bungari cung cấp thiết kế, đối tác Việt Nam sản xuất. Hiện tại doanh nghiệp Bungari đang nhập khẩu khoảng 10 container hàng mỗi tháng từ Trung Quốc nhưng muốn tìm kiếm nguồn cung cấp có giá cả và chất lượng cạnh tranh.

Về chủng loại hàng, chủ yếu gồm các sản phẩm đồ gỗ nội thất như giường tủ bàn ghế của phòng ngủ, phòng khách, phòng bếp, hoặc các loại sản phẩm bàn có mặt kính, tủ có mặt gương.

Do yêu cầu của doanh nghiệp Bungari là cần tìm nhà sản xuất có quy mô, uy tín, đảm bảo nên doanh nghiệp sản xuất có nhu cầu hợp tác gửi thông tin (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh) tới địa chỉ hòm thư bg@moit.gov.vn để Thương vụ Việt Nam tại Bungari làm việc với doanh nghiệp Bungari. Việc đàm phán, thỏa thuận sẽ là trực tiếp giữa hai bên, Thương vụ chỉ hỗ trợ kết nối, tạo điều kiện thuận lợi trong liên hệ.

CÔNG TY NHẬT BẢN TÌM KIẾM NHÀ SẢN XUẤT TẤM THẺ BẰNG GỖ TREO TRONG ĐỀN CHÙA

Công ty Nhật Bản (tại tỉnh Fukuoka) tìm kiếm doanh nghiệp Việt Nam sản xuất các tấm thẻ bằng gỗ dùng treo trong đền chùa tại Nhật Bản.

Doanh nghiệp Việt Nam quan tâm và có khả năng cung cấp sản phẩm liên hệ theo địa chỉ sau:

Ông TANAKA Tsuyoshi

Điện thoại: +81-70-2399-8616

E-MAIL: tanaka2441tsuyoshi@gmail.com



PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

Mục tiêu chung Chiến lược đặt ra là công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Đến năm 2030, sản xuất chăn nuôi nước ta thuộc nhóm các quốc gia tiên tiến trong khu vực. Sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được sản xuất chủ yếu trong các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và tăng cường xuất khẩu.

Chiến lược xác định các mục tiêu cụ thể cho ngành chăn nuôi đó là: Mức tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2021-2025 trung bình từ 4-5%/năm; giai đoạn 2026-2030 trung bình từ 3-4%/năm. Sản lượng thịt xẻ các loại đến năm 2025 đạt từ 5,0-5,5 triệu tấn, trong đó: thịt lợn từ 63-65%, thịt gia cầm từ 26-28%, thịt gia súc ăn cỏ từ 8-10%; đến năm 2030 đạt từ 6,0-6,5 triệu tấn, trong đó: thịt lợn từ 59-61%, thịt gia cầm từ 29-31%, thịt gia súc ăn cỏ từ 10-11%. Trong đó, xuất khẩu từ 15-20% sản lượng thịt lợn, từ 20-25% thịt và trứng gia cầm.

Sản lượng trứng, sữa đến năm 2025 đạt từ 18-19 tỷ quả trứng và từ 1,7-1,8 triệu tấn sữa; đến năm 2030 đạt khoảng 23 tỷ quả trứng và 2,6 triệu tấn sữa.

Tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 60% và 40% vào năm 2025, khoảng 70% và 50% vào năm 2030. Tỷ

trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt từ 25-30% vào năm 2025, từ 40-50% vào năm 2030; xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đến năm 2025 xây dựng được ít nhất 10 vùng cấp huyện, đến năm 2030 ít nhất 20 vùng cấp huyện.

Tầm nhìn đến năm 2045, chăn nuôi Việt Nam là ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại và được công nghiệp hóa ở hầu hết các khâu từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm, trong đó trình độ và năng lực sản xuất thuộc nhóm dẫn đầu các nước trong khu vực Đông Nam Á; khống chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh lây nhiễm sang người. Hầu hết sản phẩm chăn nuôi chính, bao gồm thịt, trứng, sữa được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường; 100% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm hàng hóa được cung cấp từ các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp và trên 70% khối lượng sản phẩm chăn nuôi chính được qua sơ chế, chế biến công nghiệp, trong đó có khoảng 30% được chế biến sâu.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chiến lược đặt ra các giải pháp như hoàn thiện các nhóm chính sách về phát triển chăn nuôi (chính sách đất đai, tài chính, tín dụng, thương mại, khuyến nông và thông tin tuyên truyền); nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường; khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế; nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi; nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi; nâng cao năng lực giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi; phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi...

CHÍNH PHỦ TRUNG QUỐC YÊU CẦU CÁC NHÀ NHẬP KHẨU TRÁNH THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH TỪ CÁC NƯỚC CÓ BÙNG PHÁT MẠNH DỊCH COVID-19

Các nhà chức trách Trung Quốc đã yêu cầu các nhà nhập khẩu thực phẩm nước này tránh nhập khẩu thực phẩm đông lạnh từ các nước đang bùng phát mạnh dịch Covid-19 sau khi hàng loạt các lô hàng thủy sản nhập khẩu có kết quả xét nghiệm dương tính với virus corona.

Theo thông báo từ Cục Thương mại thành phố Bắc Kinh – Trung Quốc, các cơ quan chính quyền địa phương và hải quan liên tục phát hiện virus corona trong thực phẩm đông lạnh nhập khẩu, đặt ra rủi ro nhiễm bệnh từ nguồn thực phẩm này.

Cơ quan này yêu cầu các nhà nhập khẩu theo dõi sát sao tình hình dịch bệnh trên khắp thế giới và chủ động tránh nhập khẩu các thực phẩm đông lạnh từ các khu vực bị thiệt hại nặng nề do đại dịch. Các công ty được hướng dẫn nâng cấp cơ chế báo cáo và cảnh báo, đồng thời nhanh chóng thông báo cho các nhà chức trách nếu kết quả xét nghiệm các sản phẩm dương tính virus corona. Các cơ quan y tế, bao gồm Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Các trung tâm kiểm soát và ngăn ngừa dịch bệnh Mỹ (CDC) cho rằng khả năng lây nhiễm virus corona thông qua thực phẩm là thấp nhưng Trung Quốc – nước đã gần như ngăn ngừa được tình trạng lây nhiễm nội địa – đang trong tình trạng cảnh báo cao về khả năng tái nhiễm.

Trong tháng 6/2020, Trung Quốc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm từ một nhà máy Tyson Foods tại Mỹ do lo ngại về tình trạng bùng phát dịch tại nhà máy này. Tháng 8/2020, tại thành phố Thẩm Quyển, một lô cánh gà đông lạnh nhập khẩu từ Braxin xét nghiệm dương tính với virus corona – một trong nhiều đợt hàng thực phẩm có xét nghiệm dương tính với virus corona tại Trung Quốc. Các sự cố này càng khiến

Trung Quốc thắt chặt kiểm soát các sản phẩm nhập khẩu đến từ các nước có diễn biến dịch nghiêm trọng, như Braxin.

Tương tự, Cơ quan Hải quan Trung Quốc công bố “các biện pháp để phòng khẩn cấp” đối với một công ty Na Uy sau khi một bao bì thủy sản đông lạnh có kết quả dương tính với virus corona.

Các mẫu lấy từ bao bì ngoài các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Nga vào tỉnh Sơn Đông cũng có kết quả dương tính với virus corona, và bao bì bên trong của một lô hàng thủy sản đông lạnh từ Braxin cũng trong tình trạng tương tự.

Tính tới ngày 7/9/2020, Trung Quốc đã tạm dừng nhập khẩu từ hàng chục công ty thực phẩm trên ít nhất 19 nước và vùng lãnh thổ có công nhân bị nhiễm virus corona.



GIÁ NÔNG SẢN THẾ GIỚI BIẾN ĐỘNG TRÁI CHIỀU

Gia các mặt hàng nông sản biến động trái chiều trong kỳ từ ngày 26/9 đến 13/10/2020.

Trên sàn Chicago, kết thúc phiên giao dịch ngày 13/10/2020, giá đậu tương kỳ hạn tháng 11/2020 tăng 3,8% so với ngày 25/9/2020, đạt 1.040 UScent/bushel; giá ngô kỳ hạn tháng 12/2020 tăng tới 7% lên mức 392 UScent/bushel; giá lúa mì kỳ hạn tháng 7/2021 tăng mạnh nhất, tăng tới 9,4% so với ngày 25/9/2020 lên mức 603,3 UScent/bushel.

Giá 3 loại nông sản này đều tăng khá mạnh do thời tiết ở Mỹ và Nam Mỹ không thuận lợi. Báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ cho thấy diện tích trồng ngô của Mỹ trong năm 2020 là 91 triệu acre (hơn 36,82 triệu ha) và diện tích thu hoạch là 82,5 triệu acre, cùng giảm 1 triệu acre so với báo cáo hồi tháng 6/2020. Trong khi đó, diện tích trồng đậu tương là 83,1 triệu acre và diện tích thu hoạch là 82,3 triệu acre, giảm 700.000 acre. Như vậy, tổng diện tích trồng ngô và đậu tương của Mỹ giảm 1,7 triệu acre so với báo cáo ngày 30/6/2020. Cũng theo báo cáo trên, năng suất đậu tương của Mỹ ổn định ở mức 51,9 bushels/acre trong khi năng suất ngô ở mức 178,4 bushel/acre, giảm 0,1 bushel/acre so với tháng 9/2020. USDA đã hạ 37% mức dự báo về tồn kho đậu tương cuối vụ của Mỹ xuống 290 triệu bushel, thấp hơn mức dự báo 369 triệu bushel của các nhà phân tích, đồng thời nâng 3,5% ước tính xuất khẩu đậu tương từ tháng 9 của Mỹ lên 2,2 tỷ bushel.

Trong phiên giao dịch ngày 13/10/2020, giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 đóng cửa ở mức 13,8 UScent/lb. Theo công ty phân tích và môi giới StoneX, sản lượng đường tại Thái Lan, Nga và EU giảm trong khi nhu cầu phục hồi dự kiến sẽ dẫn tới

thiếu hụt 2,2 triệu tấn đường trong niên vụ 2020/21.

Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2020 đóng cửa phiên ngày 13/10/2020 giảm 3% so với ngày 25/9/2020, xuống còn 109,2 USD/lb; giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2020 cũng giảm khá mạnh 8,9%, xuống còn 1.233 USD/tấn. Giá cà phê giảm do các nhà đầu tư đẩy mạnh bán ra và đồng USD suy yếu.

Tuy vậy, cũng có sự quan ngại khi dự báo thời tiết tại Việt Nam, quốc gia sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới sẽ có mưa nhiều trong những tháng cuối năm do tác động của hiện tượng thời tiết La Nina vào thời điểm nhà nông rất cần có nắng để phơi sấy hạt cà phê vụ mới. Điều này không chỉ làm vụ thu hoạch bị chậm lại mà còn ảnh hưởng đến chất lượng hạt cà phê nguyên liệu khi nhu cầu của thị trường ngày càng cao, nhất là với các thị trường ưa chuộng hạt cà phê có nhiều vị đắng. Dự kiến cà phê vụ mới của Việt Nam bán ra thị trường nội địa sẽ bị chậm lại vài tuần, với sản lượng vụ này ước tính khoảng 30 triệu bao.

Trên thị trường gạo, giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan tiếp tục giảm 20 USD/tấn so với nửa cuối tháng 9/2020, xuống còn 470 - 475 USD/tấn do biến động tỷ giá và nhu cầu không có nhiều cải thiện. Giá gạo Thái Lan được dự báo sẽ còn giảm do nguồn cung mới thu hoạch sẽ ngày càng xuất hiện nhiều trên thị trường vào cuối tháng 10/2020.

Tại nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới là Ấn Độ, giá gạo đỏ 5% tấm giảm 3 USD/tấn, xuống còn 376 - 382 USD/tấn do nhu cầu yếu đi sau vài tháng tăng mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên, gạo Ấn Độ khó có thể giảm mạnh dù nguồn cung dồi dào do đồng Rupee tăng giá. Xuất khẩu gạo Ấn Độ

trong năm 2020 dự báo tăng gần 42% nhờ các nước cung cấp khác giảm xuất khẩu.

Đối với mặt hàng cao su, giá cao su RSS 3 tại Nhật Bản tiếp tục tăng 6,1% so với nửa cuối tháng 9/2020 lên mức 146,7 JPY/kg. Thị trường cao su được hỗ trợ bởi những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế thế giới.

Kinh tế thế giới tháng 9/2020 tiếp tục phục hồi so với tháng trước. Chỉ số chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tổng hợp toàn

cầu tháng 8/2020 đạt 52,4 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 3/2019 và tăng mạnh từ mức 50,4 điểm trong tháng 7/2020. Hoạt động các ngành công nghiệp tăng trưởng mạnh ở các nước như Mỹ, Trung Quốc, Anh, Braxin và Nga.

Riêng tại Trung Quốc, PMI sản xuất của Trung Quốc đã tăng lên 51,5 điểm vào tháng 9/2020, cao hơn dự báo 51,2 điểm của các nhà kinh tế và 51 điểm của tháng 8/2020.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 13/10/2020

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 13/10/2020	So với ngày 25/9/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2019 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	392,0	7,0	1,2	-1,8
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	603,3	9,4	7,0	18,7
Lúa mạch	UScent/bushel	286,8	0,8	-6,7	1,0
Đậu tương	UScent/bushel	1.039,5	3,8	10,1	10,6
Khô đậu tương	USD/tấn	355,8	6,0	17,2	15,9
Dầu đậu tương	UScent/bushel	33,4	3,0	-2,7	11,0
Hạt cải	CAD/tấn	523,0	2,3	8,2	13,7
Ca cao	USD/tấn	2.444,0	-6,0	-5,6	-2,5
Đường thô	UScent/lb	13,8	2,9	-1,6	11,5
Nước cam	UScent/lb	117,4	9,8	20,9	20,1
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.233,0	-8,9	-4,2	-0,7
Cà phê Arabica	UScent/lb	109,2	-3,0	-8,2	17,0
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	535,8	-7,4	28,7	45,0
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	382,0	-0,8	4,4	2,7
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	475,0	-4,0	9,2	18,8
Cao su Toccom	JPY/kg	147,6	6,1	-26,7	-6,9

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

ITALIA CÓ XU HƯỚNG TĂNG NHU CẦU ĐỐI VỚI THỊT TRẮNG VÀ CÁ, SẢN PHẨM HỮU CƠ

Theo cơ cấu các ngành kinh tế của Italia, ngành nông nghiệp chỉ chiếm 1,9% GDP của Italia, trong khi Italia là nước có thế mạnh trong chế biến và sản xuất hàng hóa, do đó, Italia phải phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên liệu thô được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp.

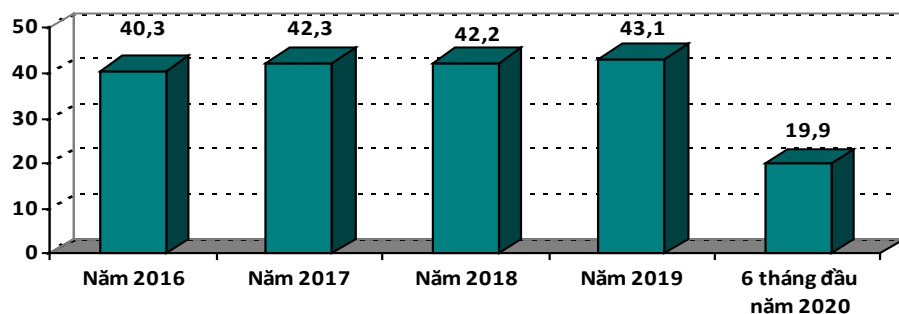
Trong những năm gần đây, Italia đã và đang thay đổi thói quen tiêu dùng, đặc biệt là tăng nhu cầu đối với thực phẩm là thịt trắng và cá. Ngoài ra, Italia ngày càng chú trọng đến những thực phẩm có lợi cho

sức khỏe, đó là sản phẩm hữu cơ... Điều này khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia đã tăng lên đáng kể.

Theo Cơ quan thống kê châu Âu, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia tăng liên tục trong 5 năm trở lại đây, từ 40,3 tỷ USD năm 2016 lên 43,1 tỷ USD năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2019, chỉ đạt 19,9 tỷ USD.

Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia giai đoạn 2016-2019 và 6 tháng đầu năm 2020 (Đvt: tỷ USD*)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu

(*Ghi chú: 1 Eur = 1,17951 USD)

Italia nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản chủ yếu từ các thị trường nội khối, chiếm 68,1% tổng trị giá nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2020, trong đó, các thị trường nhập khẩu chính là Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Hà Lan, Áo và Ba Lan...

Đối với thị trường ngoại khối, Italia chủ yếu nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản từ các thị trường Mỹ, Braxin, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ...

Về nhóm hàng: Trong các nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Italia

trong 6 tháng đầu năm 2020, mặt hàng thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 12,6%; tiếp đến là mặt hàng quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa chiếm 10,5%; cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác chiếm 10,4% và mặt hàng sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên, sản phẩm ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác chiếm 10,4%...

Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Italia trong 6 tháng đầu năm 2020

Mặt hàng	Italia nhập khẩu từ thế giới (Đvt: Triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Italia (%)	
	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tổng	19.863	21.435	-7,3	1,07	1,12
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	2.506	2.586	-3,1	0,001	0,005
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa	2.092	1.836	13,9	1,24	1,38
Trong đó: Hạt điều	41	40	4,3	61,43	61,52
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	2.068	2.644	-21,8	1,29	1,50
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; sp ăn được gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	2.058	2.219	-7,3	-	0,001
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	1.893	2.428	-22,0	0,08	0,07
Ngũ cốc	1.859	1.822	2,0	0,18	0,14
Trong đó: Gạo	109	114	-4,8	3,05	2,17

Mặt hàng	Italia nhập khẩu từ thế giới (Đvt: Triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Italia (%)	
	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019		6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	1.022	1.089	-6,2	0,08	0,09
Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác	945	921	2,6	1,26	1,37
Trong đó: Thủy sản chế biến	793	759	4,5	1,51	1,66
Hạt và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc	940	867	8,4	0,01	0,002
Động vật sống	865	919	-5,8	0,02	0,02
Cà phê, chè và các loại gia vị	865	961	-10,0	13,95	13,10
Trong đó: Cà phê	770	864	-10,8	15,41	14,33
Chè	39	41	-4,7	0,01	0,01
Hạt tiêu	9	10	-12,1	17,90	17,97
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	660	727	-9,1	0,03	0,03
Cacao và các sản phẩm chế biến từ cacao	633	641	-1,2	-	0,001
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí	259	317	-18,2	0,002	-
Cao su thiên nhiên	438	592	-26,0	1,74	1,56
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	191	199	-4,1	0,16	0,70
Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	138	139	-0,5	1,14	2,50
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	129	147	-12,1	1,51	3,95
Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc từ cà phê, chè	54	58	-7,0	4,31	4,09

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong những tháng đầu năm 2020 đã khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia giảm ở nhiều nhóm hàng so với cùng kỳ năm 2019, đặc biệt giảm khá mạnh ở một số nhóm hàng như cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác giảm 21,8%; gỗ và các mặt hàng bằng gỗ, than củi giảm 22%; cà phê giảm 10,8%; hạt tiêu giảm 12,1%; cây sống và các loại cây trồng khác, củ, rễ và các loại tương tự, cành hoa rời và các loại cành lá trang trí giảm 18,2%; cao su thiên nhiên giảm 26%; đồ nội thất bằng gỗ giảm 24,2%...

Trái lại, nhập khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia vẫn tăng trong 6 tháng đầu năm

2020 như: quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa tăng 13,9% (trong đó hạt điều tăng 4,3%); ngũ cốc tăng 2%; các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác tăng 2,6% (trong đó, thủy sản chế biến tăng 4,5%); hạt và quả có dầu, các loại ngũ cốc, hạt và quả khác, cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm rạ và cây làm thức ăn gia súc tăng 8,4%...

Có thể thấy, sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng của người dân Italia nói riêng và người dân EU nói chung đã khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia tăng lên trong những năm gần đây, điều này đặc biệt thể hiện rõ nét trong

việc tăng nhập khẩu nhiều nhóm hàng trong bối cảnh dịch Covid-19.

Trong những năm tới, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Italia sẽ tiếp tục tăng bởi Italia có nhu cầu nhập khẩu rất lớn về nông, thủy sản, không chỉ để đáp ứng tiêu dùng nội địa, mà còn phục vụ hàng chục triệu khách du lịch tới đây hàng năm. Ngoài ra, Italia là một trong những nước đóng vai trò nông nghiệp chính ở EU (năm 2019, Italia xuất khẩu gần 2/3 lượng thực phẩm của Italia vào EU)

Đối với Việt Nam, cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập vào thị trường Italia là rất lớn nhờ mối quan hệ giao thương giữa Việt Nam và Italia đang ngày càng phát triển, đặc biệt trong bối cảnh Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- EU đã có hiệu lực. Việt Nam có nhiều doanh nghiệp, tập đoàn có thế mạnh trong ngành nông nghiệp, với nhiều sản phẩm đang chiếm tỷ trọng cao tại Italia là hạt

điều, hạt tiêu, cà phê...

Trước nhu cầu cao đối với các sản phẩm là thịt trắng và cá, sản phẩm hữu cơ tại Italia, Việt Nam hoàn toàn có khả năng cung ứng cho thị trường Italia. Tuy vậy, một số lưu ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam là thuế giá trị gia tăng tại Italia rất cao, lên tới 22% với hầu hết các sản phẩm. Theo kế hoạch, thuế VAT tại Italia sẽ tăng từ 22% lên 25% từ tháng 1/2021 và tiếp tục tăng lên 26,5% vào tháng 1/2022 nhằm bảo vệ ngân sách quốc gia trước rủi ro thâm hụt ngân sách theo quy định của EU, tuy nhiên do ảnh hưởng của Covid-19 nên trong tháng 5/2020, chính phủ Italia đã tạm hoãn chính sách này. Bên cạnh đó, việc xuất khẩu nhiều sản phẩm vào Italia vẫn phải qua các đầu mối thương mại ở châu Âu, mà không trực tiếp từ các nước sản xuất. Vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần tính toán kỹ giá thành của sản phẩm để xuất khẩu cho phù hợp.

TIN VĂN

► Chỉ số giá thực phẩm của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FFPI) đạt trung bình 97,9 điểm trong tháng 9/2020, tăng 2 điểm (2,1%) so với tháng 8/2020 và cao hơn 4,6 điểm (5%) so với cùng kỳ năm 2019. Như vậy, FFPI của FAO trong tháng 9/2020 ở mức cao nhất kể từ tháng 2/2020 và là tháng tăng điểm thứ 4 liên tiếp. Những mặt hàng tăng giá mạnh nhất là dầu thực vật và ngũ cốc, đồng thời là các động lực đẩy chỉ số FFPI tăng. Ngược lại, giá các sản phẩm từ sữa nhìn chung ổn định, trong khi giá đường và giá thịt giảm so với tháng 8/2020.

► Ủy ban châu Âu đã thông báo hạn ngạch thường niên còn lại cho gạo (gạo trắng, gạo Hom Mali, gạo thơm và gạo đồ 100%) Thái Lan sẽ hưởng miễn thuế trong tháng 10/2020 là 24.883 tấn. Thuế nhập khẩu gạo 0% là cơ hội tốt cho các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan tăng xuất khẩu sang thị trường này. EU thường áp thuế nhập khẩu 145 Euro/tấn gạo nhập khẩu. EU cũng yêu cầu các nhà nhập khẩu nộp hồ sơ xin giấy phép nhập khẩu trong 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng 10/2020.

Trong 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gạo Thái Lan sang EU đạt 146.362 tấn, trị giá 140 triệu USD. Xuất khẩu gạo Thái Lan sang EU năm 2020 có thể giảm so với năm 2019 do tác động của Covid-19 làm giảm nhu cầu gạo tại các khách sạn và nhà hàng tại EU.

► Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), nửa đầu năm 2020, nhu cầu tiêu thụ cá ngừ của Đức (đặc biệt là cá ngừ đóng hộp) tăng. Khối lượng nhập khẩu cá ngừ của nước này đạt mức cao nhất trong vòng 5 năm qua. Điều này chủ yếu là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khiến nhiều gia đình ở Đức tích trữ cá ngừ để đảm bảo nguồn protein có thể cất trữ trong thời gian dài và lành mạnh. Theo số liệu thống kê của Eurostat, tổng khối lượng cá ngừ nhập khẩu của Đức trong nửa đầu năm 2020 lên tới hơn 58 nghìn tấn, tăng 47% so với cùng kỳ năm 2019, tương đương khoảng hơn 18,5 nghìn tấn. Nhập khẩu các mặt hàng cá ngừ của Đức chủ yếu vẫn là các mặt hàng cá ngừ chế biến đóng hộp, chiếm gần 98% tổng khối lượng nhập khẩu.